

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 04 - 2025

*V/v: Không công nhận vợ chồng, tranh chấp
về nuôi con của nam nữ sống chung như
vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Thìn; bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 23/01/2025 về việc: “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST – HNGĐ ngày 09/04/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc H – sinh năm: 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T (Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 02 năm 2006 và không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới hỏi vợ chồng sống hạnh phúc hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài. Chị và anh T đã không chung sống với nhau nữa được 08 năm từ đó không ai quan tâm đến ai. Đến nay xét thấy tình cảm với anh T không còn, chị Phạm Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 24/08/2009. Sau khi Tòa án không công nhận là vợ, chồng chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hồng N đã trưởng thành, đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Nguyễn Văn T1 để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Do đó không có ý kiến của anh D trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 24/08/2009 cho chị Phạm Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị H.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc H khởi kiện vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con giữa nam nữ sống chung với nhau như vợ, chồng” giữa chị với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Văn T cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Phạm Thị Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau như vợ chồng, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 02/2006 từ đó cho đến nay, nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc này được chị H thừa nhận và đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện N là nơi chị H cư trú trước khi cưới hỏi và Ủy ban nhân dân xã T là nơi chị H và anh T cư trú từ khi cưới hỏi đến nay. Như vậy việc kết hôn của chị H và anh T không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý. Đến nay chị Phạm Thị Ngọc H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn T. Căn cứ Điều 14, Điều 15 và

khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu Không công nhận vợ chồng của chị Phạm Thị Ngọc H.

- Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 24/8/2009. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến về nội dung này. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Duy A nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng với mẹ. Do đó hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Duy A cho chị Phạm Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Thị Hồng N đến nay đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 24/08/2009 cho chị Phạm Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0003635 ngày 20/01/2025. Chị Phạm Thị Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải